

Những thành tựu nổi bật trong hợp tác nghiên cứu khảo cổ học Việt - Nga

Nguyễn Khắc Sử*

Hội Khảo cổ học Việt Nam

Ngày nhận bài 23/2/2018; ngày chuyển phản biện 27/2/2018; ngày nhận phản biện 26/3/2018; ngày chấp nhận đăng 29/3/2018

Tóm tắt:

Lĩnh vực hợp tác khai quật, nghiên cứu khảo cổ học luôn chiếm vị trí quan trọng trong hợp tác giữa Việt Nam với Liên Xô trước đây và Nga ngày nay. Một trong những hoạt động hợp tác nổi bật trong thời gian gần đây là Chương trình hợp tác giữa Viện Khảo cổ học thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Viện Khảo cổ học - dân tộc học Novosibirsk thuộc Viện Hàn lâm khoa học Nga (2009-2019). Trong chương trình này, hai bên đã cùng nhau tổ chức và thực hiện các cuộc khảo sát thực địa; trao đổi ngắn hạn cán bộ nghiên cứu khoa học, trao đổi các ấn phẩm khoa học, tư liệu; viết bài về những phát hiện khảo cổ học mới nhất ở Việt Nam, Nga và cùng nhau công bố. Hai bên đã cùng tham gia các chương trình sinh hoạt khoa học (các hội thảo do hai nước hoặc nhiều nước tổ chức, giảng bài, báo cáo khoa học) và cùng tìm kiếm nguồn kinh phí tài trợ thực hiện chương trình hợp tác theo hướng hai bên cùng quan tâm. Thành tựu nổi bật nhất trong Chương trình hợp tác này là kết quả khai quật, nghiên cứu hang Con Moong (Thanh Hóa) và hệ các di tích sơ kỳ Đá cũ ở An Khê (Gia Lai).

Từ khóa: An Khê, Con Moong, Đá cũ, Đá mới, khảo cổ học.

Chỉ số phân loại: 5.9

Dẫn nhập

Khảo cổ học Liên Xô trước đây và khảo cổ học Nga hiện nay tích lũy được nhiều thành tựu nghiên cứu lịch sử nhân loại, vững vàng về học thuật và gắn liền với cuộc sống nóng hổi, đã treo một tấm gương sáng cho chúng ta thấy nên noi theo. Trong các chương trình hợp tác khảo cổ học Việt - Nga đều đem lại kết quả cụ thể, quan trọng cả trong nhận thức lịch sử và đào tạo cán bộ.

Từ những năm đầu thập kỷ 60 của thế kỷ trước, các nhà khảo cổ học Nga đã có mặt ở Việt Nam, tham gia giảng dạy, đào tạo cán bộ khảo cổ, tiến hành điền dã, khai quật và nghiên cứu các di tích khảo cổ Việt Nam. Ngành khảo cổ học Việt Nam không quên công lao của GS.TS P.I. Boriskovski, ngay từ những năm 60 của thế kỷ trước, đã có nhiều năm giảng dạy và nghiên cứu khoa học, góp phần xây dựng đội ngũ các nhà nghiên cứu khảo cổ học của Việt Nam, đồng thời tham gia phát hiện, khai quật một số di tích then chốt trong nhận thức thời nguyên thủy của Việt Nam, trong đó có di tích sơ kỳ Đá cũ Núi Đọ và các di tích sơ kỳ Đá mới văn hóa Hòa Bình, văn hóa Bắc Sơn. GS.TS P.I. Boriskovski đã được nhận Huân chương Lao động cao quý của Nhà nước Việt Nam.

Các trường đại học của Liên Xô trước đây ở Moscov, Leningrad và một số thành phố khác đã giúp đào tạo nhiều thế hệ các nhà khảo cổ Việt Nam, nhất là trong những năm chiến tranh chống Mỹ ác liệt nhất. Viện Khảo cổ học Moscov và các Phân viện Khảo cổ học Leningrad thuộc Viện Hàn lâm khoa

học Nga đã giúp đào tạo nhiều nghiên cứu sinh, đào tạo thực tập sinh nhiều lĩnh vực chuyên sâu của khảo cổ học. Trong thời kỳ Liên Xô, giữa Viện Khảo cổ học Việt Nam và các viện chuyên ngành khảo cổ ở Liên Xô cũ đã tăng cường các đoàn tham quan, trao đổi học thuật. Ngày 6/11/1982, nhân kỷ niệm lần thứ 65 Cách mạng tháng Mười và lần thứ 60 thành lập Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết, Viện Khảo cổ học Việt Nam đã tổ chức *Hội nghị Thông báo về khảo cổ học Liên Xô*, nhằm khẳng định những thành tựu khảo cổ học Xô viết và kết quả hợp tác khảo cổ học Nga - Việt. Trong Hội nghị này, ngoài báo cáo khai mạc Hội nghị của GS.VS, Viện trưởng Viện Khảo cổ học Phạm Huy Thông, các cán bộ chủ chốt của Viện, những người được đào tạo tại Liên xô đã có các tham luận, nêu bật những nét tiêu biểu, đặc sắc về sự nghiệp khảo cổ học rực rỡ của Liên Xô. Tạp chí Khảo cổ học số 4/1982 đã công bố các tham luận đó [1].

Kế thừa các nhà khảo cổ học Liên Xô trước đây, các nhà khảo cổ Nga hiện nay vẫn tiếp tục hợp tác, sát cánh cùng các nhà khảo cổ Việt Nam trong lĩnh vực nghiên cứu khảo cổ học thời tiền sử và sơ sử.

Trước hết trong lĩnh vực nghiên cứu, tổng kết đáng chú ý là công trình do các nhà sử học Nga đã biên tập và xuất bản năm 2014: *Lịch sử Việt Nam trọn bộ 6 tập* đề tặng nhân 40 năm ngày Việt Nam thống nhất. *Tập 1. Cổ đại và trung đại sớm (từ cuối 4.000 năm - đầu 3.000 năm cách nay đến năm 1010)* do TS. D.V. Mosiakov chủ biên. Đây là tập sách của người Nga viết về Lịch sử Việt Nam mới nhất, dày dặn nhất. Phần thời kỳ nguyên

*Email: khacsuk@gmail.com

Prominent achievements in Vietnamese-Russian archaeological research cooperation

Khac Su Nguyen*

Vietnam Archaeological Association

Received 23 February 2018; accepted 29 March 2018

Abstract:

The field of archaeological excavation and research has always played an important role in the cooperation between the former Soviet Union, Russia today and Vietnam. One of the prominent collaborative activities recently is the Cooperation Program between the Institute of Archeology, Vietnam Academy of Social Sciences and the Novosibirsk Institute of Archaeology and Ethnology, Russian Academy of Sciences (2009-2019). In this program, the two sides have jointly organized and conducted field archaeological surveys; short-term exchange of scientists; exchange of scientific publications, materials; compiling articles associated with the latest archaeological findings in Vietnam and Russia as well for being jointly published. The two sides have also participated in the program of scientific activities (such as seminars organized by two or more countries, lectures, and scientific reports) and jointly sought funds for implementation of cooperation programs of mutual interest. The most outstanding achievement in this cooperation program is the excavations at the Con Moong Cave (Thanh Hoa province) and the early Paleolithic locations in An Khe (Gia Lai province) with the excellent results.

Keywords: *An Khe, archaeology, Con Moong, Neolithic Age, Paleolithic Age.*

Classification number: 5.9

thủy trong bộ sách này được biên soạn, trình bày bằng tư liệu *Khảo cổ học Việt Nam*, do S.V. Laptev biên soạn đã đề cập đến các vấn đề: Lịch sử nghiên cứu khảo cổ học Việt Nam, thời đại Đá (gồm Đá cũ, Đá mới), thời kỳ Kim khí (thời đại đồng và đồ sắt) [2]. Chúng ta đánh giá cao cố gắng các nhà sử học Nga trong việc nghiên cứu, biên soạn lịch sử Việt Nam thời nguyên thủy trên cơ sở tư liệu khảo cổ học.

Lĩnh vực hợp tác khai quật, nghiên cứu khảo cổ học luôn chiếm vị trí quan trọng trong hợp tác giữa 2 nước. Một loạt các cuộc khai quật nghiên cứu các nhà nước sớm, trong đó có văn hóa Óc Eo giữa Viện Khảo cổ học Saint Petersburg với Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, đặc biệt Chương trình hợp tác giữa Viện Khảo cổ học thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã

hội Việt Nam và Viện Khảo cổ học - dân tộc học Novosibirsk thuộc Viện Hàn lâm khoa học Nga (2009-2019). Trong chương trình này, hai bên đã cùng nhau tổ chức và thực hiện nghiên cứu khảo cổ học thực địa; trao đổi ngắn hạn cán bộ nghiên cứu khoa học, trao đổi các ấn phẩm khoa học, tư liệu; viết bài về những phát hiện khảo cổ học mới nhất ở Việt Nam, Nga và cùng nhau công bố. Hai bên cùng tham gia các chương trình sinh hoạt khoa học (các hội thảo do hai nước hoặc nhiều nước tổ chức, giảng bài, báo cáo khoa học) và cùng tìm kiếm nguồn kinh phí tài trợ thực hiện chương trình hợp tác theo hướng hai bên cùng quan tâm. Thành tựu nổi bật nhất trong Chương trình hợp tác này là kết quả khai quật, nghiên cứu hang Con Moong và di tích sơ kỳ Đá cũ An Khê.

Nghiên cứu khai quật hang Con Moong

Kết quả hợp tác khai quật di tích hang Con Moong (2009-2014) và một số di tích hang động xung quanh như hang Lai, hang Mang Chiêng, hang Diêm... đã làm rõ tiến trình lịch sử nguyên thủy Việt Nam giai đoạn chuyển tiếp từ Cánh tân sang Toàn tân, từ Đá cũ sang Đá mới, từ hồng hoang đến văn minh, thông qua địa tầng dày trên 10,14 m, nguyên vẹn (in situ) với sự diễn biến văn hóa từ 66.000 năm đến 7.000 năm trước Công nguyên (viết tắt BC).

Trên địa tầng 10 lớp ở hang Con Moong, ở độ sâu dưới 8,6 m, có tuổi 66.000 năm BC, tồn tại công cụ đá quartz, kích thước nhỏ, vết ghe thô sơ, loại hình chủ yếu là mũi nhọn, nạo, cạo, dao khắc. Lớp văn hóa này hoàn toàn khác và sớm hơn nhiều so với các kỹ nghệ mảnh tước hang động hiện biết ở Việt Nam. Tư liệu cho biết, những cư dân này cư trú trong hang không thường xuyên, bởi vì số lượng công cụ ở đây rất ít, đại diện cho khí hậu lạnh và lạnh nhất qua phân tích cổ từ cảm.

Cư dân các lớp 5, 6 và 7, độ sâu từ 5,1 đến 6,8 m có 4 niên đại OSL là 48.000 năm BC (lớp 7), 44.000 năm BC (lớp 6), 35.000 năm BC (lớp 5). Trong mức này tồn tại công cụ mảnh tước, công cụ cuội nhỏ, chất liệu đá quartz, anderit, đá vôi (limestone), cùng di cốt động vật bán hóa thạch từ lớp 6 trở lên, còn nhuộm thể do con người khai thác đưa về hang xuất hiện ở lớp 5. Dấu hiệu của mưa xuất hiện vào cuối lớp 5 và đầu lớp 4. Kỹ nghệ đá ở mức này khác với kỹ nghệ mảnh tước kiểu Ngườm (Thái Nguyên), Bạch Liên Động (Quảng Tây), Lang Rongrien (Thái Lan), nơi công cụ mảnh tước nhỏ có dấu tu chỉnh lần thứ hai.

So với mức sớm, con người cư trú từ lớp 5 đến lớp 7 thường xuyên hơn, song vẫn còn mờ nhạt. Một biến động lớn về khí hậu diễn ra vào giai đoạn này, đó là ở lớp 5 xuất hiện một pha khí hậu lạnh đột ngột, khiến đá vôi trong hang co lại và nứt vỡ ra thành các mảnh nhỏ (mà các nhà khảo cổ gọi là dăm kết đá vôi). Trong điều kiện khí hậu như vậy, cư dân lúc này chế tác công cụ mảnh tước, thiên về săn bắt động vật nhỏ, phản ánh sự tương thích của con người với môi trường.

Cư dân sống ở lớp 3 và 4, độ sâu từ 3,6 m đến 5,1 m, niên đại tuyệt đối lớp 4 là 34.000 năm BC; lớp 3 là 26.000 năm BC

và 25.000 năm BC. Cư dân ở các mức này chế tác công cụ cuội nhỏ, công cụ mảnh tước đá diabaz, basalt, quartz và đá vôi. Sản bắt các loài động vật, bắt các loài nhuyễn thể cạn, chủ yếu là ốc núi. Sau giai đoạn băng hà cuối cùng (sau 20.000 năm), khí hậu ấm dần lên, con người cư trú trong hang Con Moong thường xuyên hơn. Họ chuyển dịch dần về phía cửa hang, phía tây. Do cư trú thường xuyên nên vỏ ốc thường bị dẫm đạp nhiều lần mà trở nên vụn nát, nén chặt hơn. Vào giai đoạn này, đã xảy ra một biến động địa chất nào đó, khiến cho nhiều tầng đá trên trần rơi xuống lòng hang, tác động vào tầng văn hóa, khiến nó bị tụt xuống lòng hang. Dấu tích của khối trầm tích ban đầu này hiện còn sót lại trên vách hang thành một vệt chạy dài.

Lớp 2 (độ sâu 2,5 m đến 3,6 m) có 10 niên đại C14, cho tuổi từ 17.000 đến 13.000 năm cách ngày nay (viết tắt BP), tồn tại chủ yếu là công cụ cuội ghè đều kiểu văn hóa Sơn Vi, công cụ xương. Cư dân giai đoạn này săn bắt nhiều động vật có vú lớn, thu lượm các loài ốc núi, ốc suối. Người chết được chôn trong hang theo nghi thức nằm co, chôn theo công cụ đá. Kết quả phân tích cổ tử cam và bào tử phấn cho thấy, con người sống ở giai đoạn nhiệt đới gió mùa rõ rệt, họ đã thu hái các loài nhuyễn thể, chế tác hàng trăm công cụ lao động đá cuội, công cụ xương đặc trưng cho sự phát triển từ kỹ nghệ Sơn Vi sang kỹ nghệ Hòa Bình.

Cư dân muộn nhất ở độ sâu từ mặt xuống 2,5 m, có niên đại từ 13.000 năm BP đến 7.000 năm BP. Người thời này chế tác và sử dụng công cụ cuội ghè đều, xuất hiện rìu mài lưỡi, muện nữa là rìu mài toàn thân và đồ gốm. Lúc này, cư dân cổ trong hang đã chứng kiến quá trình biến đổi cổ khí hậu với nhiều pha nóng - lạnh và mát xen kẽ, sự biến động từ lạnh hơi khô sang nóng ẩm, gió mùa. Cùng như nhiều hang khác, vào thời điểm 8.800-11.400 năm BP là thời kỳ mưa rất nhiều, bởi vì tốc độ trầm tích đưa vào hang là 1 cm/100 năm, lớn hơn 10 lần so với giai đoạn trước đó là 11.400-20.500 năm BP (vốn là 0,1 cm/100 năm). Nói cách khác, lượng mưa vào giai đoạn 8.800-11.400 năm BP tăng gấp gần 10 lần so với giai đoạn trước đó. Thời kỳ mưa lớn và kéo dài ở Bắc Việt Nam đã khiến con người cư trú trong hang nhiều hơn, liên tục hơn so với các giai đoạn trước và sau đó. Chỉ sau 7.000 năm, về cơ bản kết thúc thời kỳ mưa nhiều. Con người bắt đầu rời hang chiếm lĩnh các vùng đất mới ở đồng bằng chân núi như cư dân Đa Bút (Thanh Hóa và Ninh Bình), hoặc tiến thẳng ra chiếm lĩnh bờ biển cổ như cư dân Quỳnh Văn (Nghệ An và Hà Tĩnh), thậm chí vượt hẳn ra biển đảo như cư dân văn hóa Cái Bèo (Quảng Ninh và Hải Phòng), thiết lập văn hóa biển tiền sử.

Kết quả khai quật hang Con Moong đã cho một địa tầng chuẩn về diễn trình văn hóa tiền sử, về sự tương thích của con người và môi trường, về hệ thống kết cấu cộng đồng cư dân cuối Đá cũ sang đầu Đá mới qua hệ thống các hang động xung quanh Con Moong như hang Lai, Mang Chiêng, hang Đẳng, hang Mộc Long, Mái đá Mộc Long, hang Diêm và Động Người Xưa gắn liền với cảnh quan khu vực karst và sự đa dạng sinh học của rừng quốc gia Cúc Phương. Đây là nguồn sử liệu

hết sức quan trọng cho việc biên soạn lịch sử nguyên thủy Việt Nam ở giai đoạn bản lề từ Đá cũ sang Đá mới, từ săn bắt hái lượm độc tôn sang nông nghiệp sơ khai.

Nghiên cứu khai quật tại An Khê

Một thành tựu đặc biệt có ý nghĩa trong hợp tác khảo cổ học Việt - Nga đó là việc phát hiện, khai quật và nghiên cứu hệ thống di tích Đá cũ ở An Khê (Gia Lai). Các nhà khảo cổ học đã xác nhận sự hiện diện của kỹ nghệ sơ kỳ Đá cũ với phức hợp rìu tay - mũi nhọn tam diện - chopper, niên đại tuyệt đối bằng phương pháp K/Ar là 806.000 ± 22.000 năm và 782.000 ± 20.000 năm BP và cũng là di tích văn hóa sơ kỳ Đá cũ cổ xưa nhất hiện biết ở Việt Nam và Đông Nam Á, mở đầu cho lịch sử Việt Nam.

Từ năm 2014 đến nay, ở thị xã An Khê, các nhà khảo cổ học Việt - Nga đã phát hiện 21 địa điểm Đá cũ. Trong đó, 4 địa điểm đã được khai quật là Gò Đá, Rộc Tung 1, Rộc Tung 4 và Rộc Tung 7. Các di tích này có địa tầng nguyên vẹn (in situ), thu được hàng nghìn hiện vật đá, hàng trăm mẫu thiên thạch (tectites) [3]. Đây là nguồn sử liệu quan trọng xác lập sự hiện diện của kỹ nghệ sơ kỳ Đá cũ An Khê và vị trí của nó trong di sản văn hóa nhân loại.

Kỹ nghệ An Khê gồm các di tích phân bố ở các đồi gò cao trung bình 420-450 m, dọc đôi bờ sông Ba, thị xã An Khê. Đây là 1 trong 21 tiểu vùng địa lý của Tây Nguyên, mang tên trũng An Khê, vùng chuyển tiếp từ cao nguyên Pleiku ở phía tây xuống đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ ở phía đông.

Dấu tích văn hóa kỹ nghệ An Khê được bảo lưu trong tầng văn hóa dày trung bình 25-40 cm, cấu tạo từ đất sét bị laterit hóa, vốn phong hóa tại chỗ của đá granit. Trong tầng văn hóa có mặt các mảnh thiên thạch, được rơi vào nơi cư trú cổ xưa từ các hành tinh khác ngoài trái đất. Bước đầu ở đây đã ghi nhận có địa điểm cư trú với dấu tích kiến trúc tạo nền sinh hoạt; có địa điểm dấu tích chế tác công cụ là chính - kiểu di chỉ xưởng (workshop - site) và cả di tích vừa cư trú, vừa chế tác công cụ tại chỗ.

Công cụ đá của kỹ nghệ An Khê được làm từ đá cuội sông suối tại địa phương. Chúng có kích thước lớn, làm từ *đá cứng, hạt mịn, chủ yếu là đá thạch anh (quartz), thạch anh biến tính (quartzite), đá sét silic*. Trên thân công cụ còn lưu những vết ghè thô sơ của con người, hầu như ít được tu chỉnh nhỏ. Tổ hợp công cụ kỹ nghệ An Khê gồm công cụ ghè hai mặt, rìu tay, công cụ ghè hết một mặt, mũi nhọn, mũi nhọn tam diện, công cụ chặt dạng chopper, chopping, con dao, cái nạo, hòn ghè, chày, hạch đá và mảnh tước. Trong đó, *đặc trưng tiêu biểu nhất là phức hợp: Rìu tay (handaxe), ghè hết một mặt (unifacial tool), mũi nhọn tam diện (triangle shaped cross-section pick) và công cụ chặt thô (chopper, chopping - tool)*.

Rìu tay (Handaxe) là loại hình công cụ đặc biệt trong nhóm công cụ ghè hai mặt (biface) [4]. Công cụ ghè hai mặt có mặt trong hầu khắp các địa điểm Đá cũ An Khê, song số lượng

không nhiều. Tiêu biểu cho rìu tay An Khê là 4 chiếc tìm thấy ở Rộc Lớn, Rộc Gáo, Rộc Hương và Rộc Tung (hình 1). Rìu tay An Khê được làm từ đá cuội quartzite, kích thước lớn, tiêu biểu là loại có thân hình mũi lao với một đầu thuôn nhọn, đốc cầm tròn; vết ghè tập trung ở 2/3 thân kể từ đầu nhọn, ghè 2 mặt, vết ghè từ rìa vào trung tâm, tạo ra một đường nổi cao chạy từ đầu nhọn đến gần đốc cầm, dày ở giữa và mỏng dần về hai rìa. Các vết ghè nhỏ, đan nhau, tạo rìa lưỡi zích zắc, kích thước trung bình có thân dài 20,7 cm, rộng 11,9 cm, dày 7,4

cm và nặng 1,9 kg.

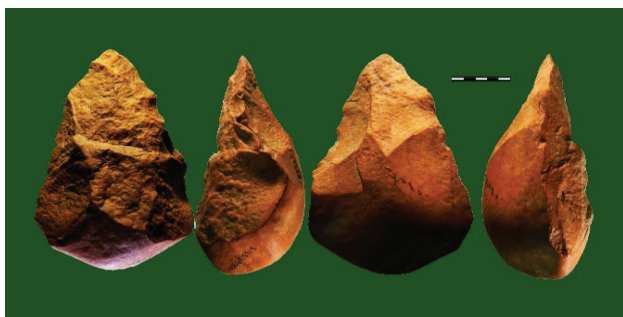
Công cụ ghè hết một mặt (Uniface) có số lượng khá lớn, tiêu biểu là các di vật tìm thấy ở Rộc Lớn, Rộc Tung và Rộc Hương. Chúng được làm từ viên cuội lớn gần hình bầu dục, một mặt lớn được ghè gần hết bóc hết mặt cuội, mặt đối diện giữ nguyên vỏ cuội, các vết ghè tập trung ở hai rìa cạnh, tạo ra rìa sử dụng cong lồi ở một đầu, một đầu còn lại làm đốc cầm, kích thước trung bình thân dài 17,82 cm, rộng 13,6 cm, dày 8,4 cm và nặng 2,3 kg (hình 2 a, b).



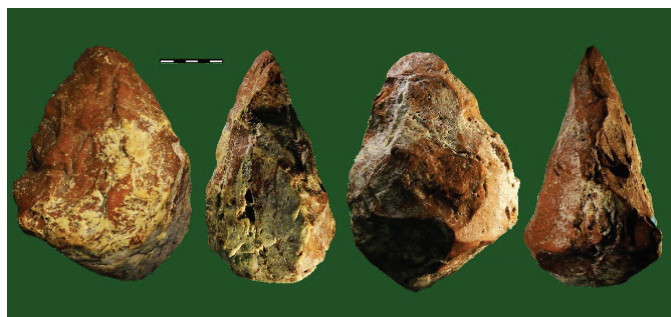
a) Gò Đá



b) Rộc Tung



c) Rộc Gáo



d) Rộc Lớn

Hình 1. Rìu tay ở An Khê.



a) Rộc Lớn



b) Rộc Tung



c) Rộc Gáo



d) Rộc Tung

Hình 2. a, b: Công cụ ghè hết một mặt; c, d: Mũi nhọn tam diện.

Mũi nhọn (Pick) chiếm số lượng lớn, đặc trưng nhất là mũi nhọn hình khối tam diện, ba mặt phẳng kẹp một đầu nhọn, đầu kia giữ tối đa vỏ cuội làm đốc cầm. Nếu viên đá có sẵn 2 mặt cuội giao nhau thành một góc tù, thì người xưa ghè thêm một mặt phẳng. Còn ở viên cuội có một mặt phẳng tự nhiên, thì người xưa ghè thêm 2 mặt phẳng nữa; mặt cắt ngang thân gần tam giác cân; kích thước thân dài 19,80 cm; rộng ngang 11,90 cm; thân dày 8,07 m và nặng 2,32 kg (hình 2 c, d).

Công cụ chặt thô (chopper, chopping) được làm từ viên cuội quartz hoặc quartzite, kích thước lớn, thân hình bầu dục, vết ghè tập trung ở một đầu, từ mặt cuội này sang mặt kia tạo ra công cụ chặt kiểu chopper, hoặc ghè hai mặt tạo ra công cụ chặt kiểu chopping. Loại công cụ này thường có một đường rìa cong lồi và một đốc cầm lớn còn vỏ cuội. Kích thước trung bình: Thân dài 19,2 cm, rộng 11,7 cm, dày 9,0 cm và nặng 2,4 kg.

Kỹ nghệ An Khê khác với các kỹ nghệ sơ kỳ Đá cũ hiện biết ở Việt Nam như Núi Độ (Thanh Hóa) và Xuân Lộc (Đồng Nai). Ở hai nơi này công cụ được làm từ đá basalte, thu thập trên mặt. Công cụ Núi Độ có rìu tay, tiền rìu tay kích thước lớn, ghè thô sơ cùng mảnh tước clacton và hạch đá đa diện, còn công cụ Xuân Lộc có rìu tay, mũi nhọn tam diện, kích thước nhỏ và hầu như vắng mặt hạch đá, mảnh tước. Việc định niên đại cho các kỹ nghệ này đều dựa vào hình thái công cụ, chẳng hạn Núi Độ có tuổi dự đoán 400.000 năm [5], còn Xuân Lộc có tuổi 500.000 năm [6].

Ngoài Việt Nam, kỹ nghệ Acheulean (Pháp) được giới khoa học xem là kỹ nghệ ghè hai mặt/rìu tay (bifaces/handaxe) điển hình cho sơ kỳ Đá cũ thế giới, có tuổi từ 500.000-300.000 năm BP [7]. Công cụ được làm từ đá lửa, ghè hai mặt, có một lưỡi mỏng nhọn, đốc cầm rộng và dày, thân bằng. Rìu tay có các loại hình: Tam giác, trái tim, quả hạnh nhân, mũi lao, hình trứng, hình đĩa và hình elíp, tiêu biểu nhất là hình quả hạnh nhân và hình mũi lao.

Khác với rìu tay Acheulean, rìu tay An Khê được làm từ đá cuội, trên thân còn bảo lưu một ít vỏ cuội tự nhiên, đốc cầm to, gần tròn; còn rìu tay Acheulean làm từ đá trầm tích, chủ yếu là đá silic, ghè hết vỏ tự nhiên, đốc rìu vát mỏng. Thân rìu An Khê còn bảo lưu những vết ghè lớn, hầu như không tu chỉnh; còn rìu Acheulean có nhiều vết ghè nhỏ, dấu tu chỉnh đều đặn, cân đối. Rìu tay An Khê có mặt bờ dọc hình nêm, mặt cắt ngang gần hình bầu dục, còn rìu châu Âu mặt bờ dọc hình nêm, mặt cắt ngang gần hình thấu kính. Nhìn chung, rìu tay An Khê không quy chuẩn, tiến bộ như rìu Acheulian điển hình, mà có nhiều nét cổ xưa hơn.

Ở Đông Nam Á, công cụ ghè hai mặt cổ nhất được tìm thấy ở Indonesia mang đặc trưng kỹ nghệ Acheulean điển hình, có tuổi khoảng 0,8 triệu năm BP, song kỹ nghệ chopper - chopping

tools vùng này vẫn là chủ đạo [8].

Ở Đông Á, rìu tay đã tìm thấy ở các địa điểm Đình Thôn, Hợp Hà, Chu Khẩu Điếm, đặc biệt là Bách Sắc (Trung Quốc). Ở thung lũng Bách Sắc, dọc đôi bờ sông Hữu Giang, thuộc đất 5 huyện: Bách Sắc, Diên Đông, Diên Dương, Bình Quả và Diên Lâm thuộc tỉnh Quảng Tây đến nay đã phát hiện được 44 địa điểm sơ kỳ Đá cũ, được xếp vào kỹ nghệ Bách Sắc. Kỹ nghệ này gồm những công cụ mũi nhọn, chopper, nạo, công cụ ghè hai mặt và rìu tay được làm từ đá cuội, kích thước lớn, ghè trực tiếp trên đe, rất ít mảnh tước. Hiện nay có 4 địa điểm tìm thấy rìu tay, đó là Dương Thụ, Na Lai, Nam Bán Sơn (Nang Ban Shan) và Bì Hồng (Pohong), phân bố trong thềm bậc IV sông Hữu, có tuổi trung kỳ Pleistocene. Năm 1993, một mẫu thiên thạch (tektite) ở địa điểm Bách Cốc, thôn Đại Hòa, thuộc kỹ nghệ Bách Sắc được xác định niên đại tuyệt đối, có tuổi là 732.000 ± 39.000 BP. Mới đây, là một mẫu tektite khác của kỹ nghệ Bách Sắc có tuổi là 803.000 ± 3.000 BP. Các nhà khảo cổ Trung Quốc cho rằng, Bách Sắc là đại diện cho kỹ nghệ rìu tay sơ kỳ Đá cũ cổ nhất được biết ở vùng Đông Á [9]. Kỹ nghệ An Khê và kỹ nghệ Bách Sắc có nhiều nét tương đồng về kỹ thuật - loại hình, do đó tuổi của hai kỹ nghệ này có thể tương đương nhau, đều khác kỹ nghệ Acheulean châu Âu.

Các nhà khảo cổ Việt - Nga đã xác nhận, kỹ nghệ An Khê được đặc trưng bởi phức hợp: Công cụ chặt thô (chopper - chopping tool)/mũi nhọn hình khối tam diện (triangle shaped cross-section pick)/công cụ ghè hai mặt - rìu tay (biface-handaxe). Trong đó, chopper - chopping tool chủ yếu tìm thấy ở khu vực châu Á, biface - handaxe nổi trội cho Đá cũ phương Tây, còn mũi nhọn tam diện nổi trội nhất ở sơ kỳ Đá cũ vùng An Khê.

Về niên đại, đã có kết quả phân tích 2 mẫu tektite bằng phương pháp K/Ar từ phòng thí nghiệm đồng vị địa hóa học và địa thời học IGEM RAN, Viện Hàn lâm Khoa học Nga, cho kết quả: Mẫu ký hiệu 15.GD.M4.L1-2 ở địa điểm Gò Đá là 806 ± 22 nghìn năm và mẫu ký hiệu 16.RT1. H1. F6.L2.2 Rộc Tung là 782 ± 20 nghìn năm. Như vậy, kỹ nghệ An Khê nằm trong khung thời gian khoảng 800.000 năm BP.

Với kết quả này, các nhà khảo cổ Việt - Nga tự hào bổ sung kỹ nghệ An Khê (Việt Nam) vào bản đồ kỹ nghệ công cụ ghè hai mặt trên thế giới. Trong đó các di tích ở châu Âu (có tuổi 0,5-0,6 triệu năm); Ubeidly (1,4 triệu năm); Gesher Benot Ya'aqov (0,9 triệu năm); Ả-rập-xê-út (0,4 triệu năm); Turkmenistan (Kazakhstan) (0,25-0,3 triệu năm); Mông Cổ (0,25-0,3 triệu năm); ở Ấn Độ: Isampur (1,2 triệu năm), Bori (0,7 triệu năm), Nam Ấn Độ (0,4-0,5 triệu năm); ở Trung Quốc: Pinling (0,9 triệu năm), Yuanxian (0,9 triệu năm), Lan Diên (0,8-0,6 triệu năm) và Bách Sắc (0,8 triệu năm); và ở Việt Nam có tuổi 0,7-0,9 triệu năm [10] (hình 3).



Hình 3. Phân bố kỹ nghệ rìu tay ở ngoài châu Phi (Nguồn: Derevianko, et al., 2016).

Những phát hiện kỹ nghệ Đá cũ An Khê đã làm thay đổi nhận thức về lịch sử vùng đất và đời sống của tổ tiên chúng ta. Con người xuất hiện lúc nào thì lịch sử được bắt đầu từ đó. Trước đây, chúng ta lấy thời điểm xuất hiện Người đứng thẳng (*Homo erectus*) ở Thẩm Khuyên và Thẩm Hai (Lạng Sơn) có tuổi 0,5 triệu năm làm mốc mở đầu cho lịch sử Việt Nam. Với phát hiện di tích Đá cũ An Khê, chúng ta có thêm cơ sở kéo dài hơn lịch sử Việt Nam về phía trước, niên đại 0,8 triệu năm. Chủ nhân cư dân khung niên đại này là những Người đứng thẳng, tổ tiên trực tiếp của Người hiện đại (*Homo sapiens*). Và như vậy, An Khê (Gia Lai) được ghi dấu vào bản đồ thế giới, là một trong những nơi lưu giữ dấu tích văn hóa của tổ tiên loài người - Người đứng thẳng, chủ nhân của kỹ nghệ An Khê và là tổ tiên trực tiếp của người hiện đại.

Trong một thời gian dài, do không có tài liệu nên nhiều người tin vào đường ranh giới văn hóa sơ kỳ Đá cũ do H. Movius đề xướng năm 1948 (Movius Line), đối lập văn hóa phương Đông và phương Tây. Theo đó, ở phương Tây phổ biến rìu tay, có hình dáng cân đối, ghe dẽo quy chuẩn, thể hiện cho sự tiến bộ, năng động của con người, còn phương Đông tồn tại kỹ nghệ cuội ghe dẽo chopper - chopping, thô sơ, phụ thuộc vào hình dáng tự nhiên của hòn cuội, thể hiện cho khu vực bảo thủ, trì trệ, lạc hậu và hầu như không có đóng góp gì cho sự tiến bộ của nhân loại [11]. Những phát hiện kỹ nghệ ghe hai mặt và những rìu tay sớm ở An Khê (Việt Nam), Bách Sắc (Trung Quốc) và nhiều nơi khác ở khu vực châu Á đã bác bỏ quan điểm trên.

Gần nửa thế kỷ qua, đa số ý kiến cho rằng, con người đầu tiên được hình thành ở châu Phi. Từ đó họ di chuyển sang châu Âu, rồi châu Á đem theo kỹ nghệ ghe hai mặt với những chiếc rìu tay. Việc phát hiện rìu tay sớm ở An Khê là cơ sở để xem xét lại giả thuyết về quá trình tiến hóa của Người khôn ngoan

trên các châu lục cũng như diễn trình lịch sử - văn hóa vùng này trong các giai đoạn sơ kỳ Đá cũ.

Kết luận

Trong giai đoạn mở cửa và hội nhập, ngành khảo cổ học Việt Nam hợp tác rộng rãi với nhiều nước khác nhau trên thế giới, song trong các dự án, chương trình hợp tác với các nhà khảo cổ học Xô viết trước đây và nước Nga hiện nay vẫn thể hiện tinh thần thân thiện, chân thành và hiệu quả cao.

Với tình bạn cao cả, những người làm công tác khảo cổ Việt Nam không quên tình cảm thăm thiết mà nhân dân Nga đã dành cho nhân dân Việt Nam, không quên tình cảm khảo cổ học Liên Xô trước đây và nước Nga ngày nay đầy nhiệt tình với Việt Nam, với khảo cổ học Việt Nam và với nhân dân Việt Nam. Trong các chương trình hợp tác khác nhau, khảo cổ học Việt Nam có điều kiện để phát triển, soi sáng hơn nữa nguồn gốc và truyền thống tốt đẹp của dân tộc, cống hiến hơn nữa cho khảo cổ học thế giới. Thành tựu nổi bật trong hợp tác khảo cổ học giữa Nga và Việt Nam trong những năm gần đây là khai quật, nghiên cứu hang Con Moong và An Khê.

Kết quả khai quật hang Con Moong đã cho một địa tầng chuẩn về diễn trình văn hóa tiền sử, về sự tương thích của con người và môi trường, về hệ thống kết cấu cộng đồng cư dân cuối Đá cũ sang đầu Đá mới qua hệ thống các hang động xung quanh Con Moong như hang Lai, Mang Chiêng, hang Đẳng, hang Mộc Long, Mái đá Mộc Long, hang Diêm và Động Người Xưa gắn liền với cảnh quan khu vực karst và sự đa dạng sinh học của rừng quốc gia Cúc Phương.

Những phát hiện kỹ nghệ Đá cũ An Khê đã làm thay đổi nhận thức về lịch sử vùng đất và đời sống của tổ tiên chúng ta.

Với phát hiện di tích Đá cũ An Khê, chúng ta có thêm cơ sở kéo dài hơn lịch sử Việt Nam về phía trước, niên đại 0,8 triệu năm. Chủ nhân cư dân khung niên đại này là những Người đứng thẳng (*Homo erectus*), tổ tiên trực tiếp của Người hiện đại (*Homo sapiens*). Và như vậy, An Khê (Gia Lai) được ghi dấu vào bản đồ thế giới, là một trong những nơi lưu giữ dấu tích văn hóa của tổ tiên loài người - Người đứng thẳng, chủ nhân của kỹ nghệ An Khê và là tổ tiên trực tiếp của người hiện đại. Việc phát hiện rìu tay sớm ở An Khê là cơ sở để xem xét lại giả thuyết về quá trình tiến hóa của Người khôn ngoan trên các châu lục cũng như diễn trình lịch sử - văn hóa vùng này trong các giai đoạn sơ kỳ Đá cũ.

Với sự lớn mạnh của mình, khảo cổ học Việt Nam là địa chỉ đáng tin cậy cho nhiều chương trình, dự án hợp tác nghiên cứu khảo cổ học giữa Việt Nam với các nước trên thế giới, trong đó có các bạn Nga. Năm 2018 một dự án nghiên cứu cơ bản do Quỹ nghiên cứu cơ bản Nga và Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (VASS) đã được đưa ra, đó là: *Những vấn đề cơ bản của thời đại đồ đá Việt Nam trong bối cảnh thời đại đá Đông Dương*. Dự án này báo hiệu sức lan tỏa của hợp tác Việt - Nga sẽ vươn rộng ra các nước trong khu vực Đông Dương và Đông Nam Á. Những kết quả nổi bật trong hợp tác Việt - Nga thời gian qua là bó hoa tươi thắm hướng tới các hoạt động của Nga tại Việt Nam và năm Việt Nam tại Nga - năm 2019 trong các lĩnh vực văn hóa, khoa học, trong đó có Khảo cổ học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Phạm Huy Thông (1982), “Khai mạc Hội nghị”, *Tạp chí Khảo cổ học*, 2, tr.1-2; Chử Văn Tân (1982), “Khảo cổ học Xô viết - một mẫu hình khoa học tiên tiến”, *Tạp chí Khảo cổ học*, 2, tr.3-8; Nguyễn Khắc Sứ (1982), “Khảo cổ

học Xô viết và Thời đại Đá cũ ở Liên Xô”, *Tạp chí Khảo cổ học*, 2, tr. 9-11; Phạm Lý Hương (1982), “Khảo cổ học Xô viết và Thời đại Đá ở Trung Á”, *Tạp chí Khảo cổ học*, 2, tr.11-13; Ngô Sĩ Hồng (1982), “Khảo cổ học Xô viết và văn hóa Xkip”, *Tạp chí Khảo cổ học*, 2, tr.13-15.

[2] *Полная академическая история Вьетнама, в шести томах, том I, Древность и раннее средневековье (конец 4-начало 3 тыс. до н.э. - 1010 г. н.э.)*, Президиум Российской Академии Наук, Москва, 2014.

[3] Nguyen Khac Su, Nguyen Gia Doi (2015), “System of the Palaeolithic Locations in the Upper Ba River”, *Vietnam Social Sciences*, 4(168), pp.47-63.

[4] Nguyễn Khắc Sứ (2017), “Kỹ nghệ sơ kỳ Đá cũ An Khê với lịch sử thời kỳ nguyên thủy Việt Nam”, *Tạp chí Khảo cổ học*, 2, tr.3-14.

[5] П.И. Борисковский (1966), *Первобытное прошлое Вьетнама*, Москва Ленинград.

[6] E. Saurin (1971), “Les Paléolithiques de environs de Xuan Loc”, *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoise*, 46, pp.2-22.

[7] Bordes François (1961), “Bifaces des types classiques”, *Typologie du Paléolithique ancien et moyen*. Imprimeries Delmas, Bordeaux, pp.57-66.

[8] T. Simanjuntak (2008), “Acheulean tools in Indonesia Palaeolithic”, *Paper Presented on the International Seminar on Diversity and Variability in the East Asia Paleolithic: Toward an Improved Understanding*, Seoul, Korea, p.421.

[9] Guang Mao Xie, Erika, Bodin (2007), “Les industries paléolithiques de basin de Bose (Chine de Sud)”, *L'Anthropologie*, 111, pp.182-206.

[10] А.П. Деревянко, Н.Х. Шу, А.А. Цыбанков, Н.З. Дой (2016), *Возникновение бифасиальной индустрии в Восточной и Юго - Восточной Азии*, Новосибирск Издательство ИАЭТ СОРАН, стр.59.

[11] H. Movius (1948), “The Lower Palaeolithic Cultures of Southern and Eastern Asia”, *Transactions of the American philosophical Society*, 38(4), pp.330-420; H. Movius (1949), *New Palaeolithic Cultures of Southern and Eastern Asia*, Philadelphia.